

Số: 549/TB-CCTHADS

Đồng Xoài, ngày 26 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật bán đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ các Bản án, Quyết định số 60/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020; 22/2022/DSST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ các Quyết định thi hành án số: 131/QĐ-CCTHADS ngày 28 tháng 10 năm 2020; 12/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 10 năm 2022; 295/QĐ-CCTHADS ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục trưởng - Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 09/QĐ-CCTHADS ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chấp hành viên - Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 020606/CT-TTA.TĐG, ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Trung Tín;

Căn cứ thông báo số 527/TB-CCTHADS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về kết quả thẩm định giá của Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Nay, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN NGƯỜI CÓ TÀI SẢN:

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài

Địa chỉ: 1383 đường Phú Riêng Đỏ, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

II. THÔNG TIN TÀI SẢN BÁN ĐẤU GIÁ:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 271,4 m² (trong đó có 243,2 m² đất ODT; 28,2 m² là đất CLN). Đất thuộc thửa số củ là 118, tờ bản đồ số 37. Thửa mới là 68, tờ bản đồ 28, có diện tích đo vẽ theo

hiện trạng là 269 m², (trong đó có 243,2 m² đất ODT; còn lại là đất CLN). Vào sổ cấp giấy chứng nhận số H08050/QSDD/4351/QĐ-UB được UBND thị xã (nay là thành phố) Đồng Xoài cấp ngày 03/8/2009 cho bà Dương Thị Hoa. Ngày 18/7/2018, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Đồng Xoài chỉnh lý biến động trang 04 tặng cho ông Trần Tấn Tư và vợ là bà Phan Thị Nhã Trâm có giá thẩm định là 6.080.000.000 đồng (*Sáu tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*).

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 146,6 m² (đất trồng CLN). Đất thuộc thửa số củ là 117, tờ bản đồ số 37. Thửa mới là 51, tờ bản đồ 28, có diện tích đo vẽ theo hiện trạng là 146,4 m², (đất CLN). Vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 13340/QSDD/1462/QĐ-UB được UBND thị xã (nay là thành phố) Đồng Xoài cấp ngày 04/5/2018 cho bà Dương Thị Hoa. Ngày 18/7/2018, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Đồng Xoài chỉnh lý biến động trang 04 tặng cho ông Trần Tấn Tư và vợ là bà Phan Thị Nhã Trâm có giá thẩm định là 1.293.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu đồng*).

- Tài sản trên đất gồm:

+ Nhà ở: Giá thẩm định là: 3.123.308.000 đồng (*Ba tỷ một trăm hai mươi ba triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng*).

+ Mái che (để xe). Giá thẩm định là: 8.800.000 đồng (*Tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

+ Sân: Giá thẩm định là: 47.268.760 đồng (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu tám nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*).

+ Tường rào: Giá thẩm định là: 59.143.350 đồng (*Năm mươi chín triệu một trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng*).

+ Cổng sắt (bao gồm hệ thống mở tự động tay đòn). Giá thẩm định là: 22.500.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Giếng đào. Giá thẩm định là: 6.715.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng*).

+ Cây Lộc Vừng. Giá thẩm định là: 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

+ Cây Khế. Giá thẩm định là: 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Giá khởi điểm: 10.652.735.000 đồng (*Mười tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu bảy trăm ba lăm nghìn đồng*).

Tài sản trên đã bị kê biên ngày 14/4/2023 để đảm bảo thi hành án.

III. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ:

1. Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

2. Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

3. Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

4. Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

5. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

6. Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Bảng tiêu chí chấm điểm:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0



TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	<i>sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
	Tổng số điểm	100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

IV. THỜI GIAN ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: kể từ ngày thông báo này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản; Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thi hành án dân sự và trên Trang thông tin điện tử Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước đến trước 17 giờ ngày 29/6/2023.

- Hình thức và địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, số 1383 đường Phú Riềng Đỏ, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Hồ sơ đã nộp không hoàn trả hồ sơ (kể cả hồ sơ không được lựa chọn).
Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài sẽ đánh giá, chấm điểm Tổ chức đấu giá tài sản theo các tiêu chí tại Phụ lục I, Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp và có văn bản thông báo kết quả cho tổ chức đấu giá được lựa chọn và được đăng công khai kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản, Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thi hành án dân sự và trang thông tin điện tử Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Vậy, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài thông báo để các tổ chức đấu giá biết./.

Nơi nhận:

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Tổng Cục THADS;
- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Bình Phước ;
- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Viện KSND thành phố Đồng Xoài (để kiểm sát);
- Chi cục trưởng Chi cục THADS TP. Đồng Xoài (để B/c);
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Lê Thanh Đồng